



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

MCE-REC IHOME



NHÀ THÔNG MINH ACIS



WWW.ACIS.COM.VN



08.62811225

THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

- Điện áp hoạt động: 12- 24VDC
- Phím sử dụng: 16 phím
- Hiển thị: LCD
- Cổng kết nối: RJ45 (dùng để kết nối với Server điều khiển qua mạng)
- Kết nối Wifi.



Cấp nguồn cho **MCE**.

Cắm cáp **Ethernet** (RJ45) vào **MCE**.

Màn hình hiển thị “**ACIS MCE – Start up**”. Sau đó bộ trung tâm sẽ hiển thị “**Update Infor**” thông báo đang cập nhật trạng thái của các thiết bị. Sau khi quá trình cập nhật kết thúc, màn hình trung tâm sẽ hiển thị:

MCE 15:03

Khi kết nối với server màn hình sẽ hiển thị kí hiệu “**S**” báo hiệu đã kết nối được với server, kết nối WIFI sẽ hiển thị kí hiệu “**W**”, “**E**” là kết nối dây, đồng thời **MCE** sẽ bắt đầu cập nhật trạng thái các thiết bị lên server:

MCE S 15:03

“Thiết bị MCE đã kết nối với server”

Phím tắt trên MCE (Nhấn và giữ), nhập mật khẩu thiết bị:

- “0”: Kết nối WIFI/Kiểm tra kết nối mạng
- “1”: Kết nối thiết bị
- “2”: Thiết lập ngữ cảnh
- “3”: Xem tên thiết bị
- “4”: Không sử dụng.
- “5”: Hẹn giờ ngữ cảnh
- “6”: Gán phím ngữ cảnh
- “7”: Hiển thị thông tin địa chỉ của thiết bị
- “8”: Hẹn giờ line thiết bị

Mật khẩu mặc định của thiết bị là: **012345**

Mọi thao tác chọn dùng Phím “**ENTER**”, thoát dùng phím “**EXIT**”, xóa “**CLEAR**”.

I/ Nhấn và giữ Phím “0”: Kết nối WIFI và thông tin kết nối mạng:

User Setting
Loading...

Password ???
“nhập mật khẩu”

Sau khi nhập mật khẩu, dùng phím “ON” hoặc “OFF” di chuyển lên xuống:

Setup WIFI
1: Scan WIFI

WIFI Scan...

“Tên wifi kết nối”
Chuẩn bảo mật của Wifi

Password...ab
“nhập mật khẩu wifi”

“Tên Wifi đã kết nối”
Connecting.....

“Tên Wifi đã kết nối”
Join SSID.

“Tên Wifi đã kết nối”
Join SSID OK.

Setup WIFI
2: Set Manual

SSID
“Tên wifi kết nối”

SSID
“Tên wifi kết nối”

Password...ab
“nhập mật khẩu wifi”

“Tên Wifi đã kết nối”
Connecting.....

“Tên Wifi đã kết nối”
Join SSID.

“Tên Wifi đã kết nối”
Join SSID OK.

Setup WIFI
3: Network Infor

1.Cloud
Connected:W

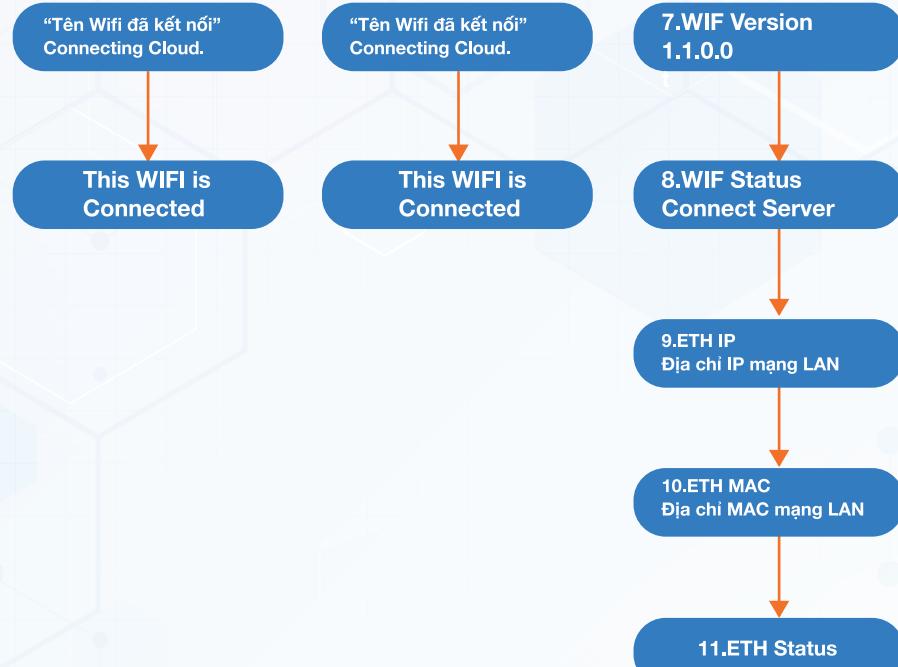
2.Priority First
ETH

3.WIFI SSID
Tên Wifi đã kết nối

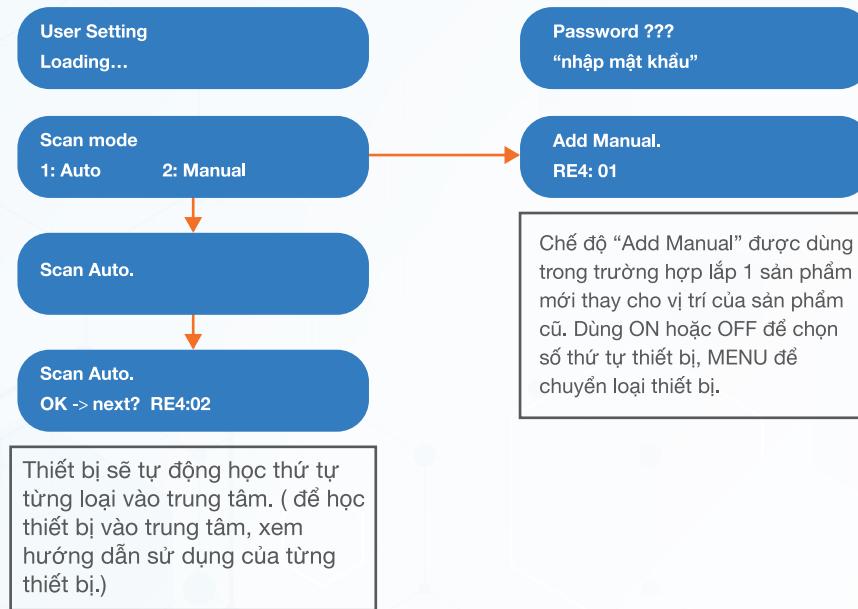
4.WIF Pass
Tên Wifi đã kết nối

5.WIF IP
Địa chỉ IP MCE

6.WIF MAC
Địa chỉ MAC WIFI



II/ Nhấn và giữ Phím “1”: Học thiết bị vào trung tâm MCE:



4

III/ Nhấn và giữ phím “3”: Xem tên tất cả thiết bị đã được học vào trung tâm MCE

Exit
Re-Loading... Password??? Name: 401
RE4:01

IV/ Nhấn và giữ phím “2” THIẾT LẬP KỊCH BẢN:

1. Tại màn hình chính nhấn và giữ phím số “2”:

User Setting
Loading...

2. Hệ thống yêu cầu nhập password: Nhập password mặc định “012345”

Password???
012345

3. Màn hình vào chế độ đặt kịch bản: (với mặc định là thiết lập kịch bản cho RE4)

SC: Thứ tự mặc định kịch bản: nhấn phím “1” hoặc “4” để tăng hoặc giảm tên mặc định kịch bản.

RE4: Thiết bị RE4 mà kịch bản sẽ tương tác: nhấn phím “2” hoặc “5” để tăng hoặc giảm thứ tự RE4 mà kịch bản muốn tương tác. Nếu địa chỉ của thiết bị hiển thị “***” tức có nghĩa là chưa có thiết bị nào loại “RE4” đã được thiết lập vào thiết bị trung tâm.

SC - RE4 - CH- STATUS
01 01 01 ***

CH: Thứ tự kênh trong RE4 mà kịch bản tương tác: nhấn phím “3” hoặc “6” để tăng hoặc giảm kênh mà kịch bản muốn tương tác. (số kênh từ 1 -> 4)

***: Trạng thái thiết bị mà kịch bản tương tác: nhấn phím “ON” hoặc “OFF” để thay đổi trạng thái kênh của thiết bị RE4 mà kịch bản muốn tương tác.

Nếu trạng thái hiển thị “***” tức có nghĩa là kênh đang hiển thị trên màn hình LCD của thiết bị RE4 này không được tương tác khi kịch bản thực thi (trạng thái của kênh này của thiết bị RE4 sẽ không đổi khi kịch bản thực thi).

Nếu trạng thái hiển thị là “ON” tức có nghĩa là kênh đang hiển thị trên màn hình LCD của thiết bị RE4 này sẽ bật ON khi kịch bản thực thi.

Nếu trạng thái hiển thị là “OFF” tức có nghĩa là kênh đang hiển thị trên màn hình LCD của thiết bị RE4 này sẽ bật OFF khi kịch bản thực thi.

5

4. Sau khi chọn xong kênh và trạng thái kinh bản muốn tương tác nhấn “ENTER” để lưu lại. Tiếp tục thay đổi thứ tự RE4 hoặc kinh để thêm nhiều kinh vào kinh bản :

SC - RE4 - CH- STATUS
10 03 04 OFF

“Thiết bị RE4 số 3, kinh số 4, OFF trong kinh bản số 10”

* Muốn thiết lập thêm RE2, RE3, DI2 vào kinh bản, ta làm như sau:

- Nhấn phím “MENU” để đổi sang loại thiết bị khác: RE2, RE3, DI2 (Chỉ những thiết bị nào đã được học vô hệ thống mới xuất hiện để lựa chọn)
- Thao tác cho RE2 và RE3 giống như RE4

SC - RE2 - CH- Status
01 01 01 OFF

SC - RE3 - CH- Status
01 01 01 OFF

- Đối với DI2, dùng phím “ON” để chỉnh tăng dần từ 0->100, phím “OFF” để giảm từ mức 100->0, dừng lại ở mức độ mong muốn, sau đó nhấn phím “ENTER” để “SAVE” lại.

SC - DI2 - CH- Status
01 01 01 50

5. Sau khi hoàn thành nhấn phím “EXIT” để thoát ra màn hình chính.

*** Ngoài cách thiết lập kinh bản trên, MCE còn có thể thiết lập nhanh kinh bản bằng cách điều khiển trực tiếp trên thiết bị cuối. Khi ấy MCE sẽ nhận dữ liệu tự động và lưu quá trình điều khiển thành nội dung kinh bản

1. Vào chế độ thiết lập kinh bản.
2. Chọn tên kinh bản muốn thiết lập bằng cách nhấn phím “1” hoặc “4”
3. Nhấn giữ phím “MENU” cho đến khi chữ “Status” trên màn hình LCD nhấp nháy. Lúc này MCE đã sẵn sàng nhận dữ liệu điều khiển làm nội dung kinh bản. Nhấn giữ thêm lần nữa chữ “Status” sẽ ngừng nhấp nháy báo hiệu ngưng sử dụng chức năng thiết lập kinh bản bằng cách điều khiển thiết bị.
4. Điều khiển bật tắt các thiết bị cuối (RE4, RE3, RE2, DI2...) theo ý mong muốn.
5. Các kinh của các thiết bị được điều khiển sẽ tự động được lưu vào kinh bản, các kinh không được điều khiển sẽ không nằm trong thiết lập kinh bản.
6. Sau khi hoàn thành nhấn và giữ phím “Exit” để lưu lại thiết lập và thoát ra màn hình chính.

V/ HẸN GIỜ CHO KỊCH BẢN:

1. Từ màn hình chính nhấn và giữ phím số “5”:

User Setting
Loading...

2. Hệ thống yêu cầu nhập password: Nhập password mặc định “012345”

Password???
012345

3. Màn hình chuyển vào chế độ đặt giờ cho kinh bản

Một kinh bản sẽ hỗ trợ tối đa 4 thời điểm kích hoạt.

Scene
SC:01
Point
Timer1

Để lựa chọn kinh bản nhấn phím “1” hoặc “4”

Để lựa chọn thời điểm thiết lập của kinh bản nhấn phím “3” hoặc “6”.

Sau khi chọn xong nhấn “ENTER” để vào thiết lập thời điểm chạy kinh bản hoặc nhấn “EXIT” để quay lại màn hình chính.

***Nhấn giữ phím “CLEAR” xuất hiện màn hình chọn xóa tất cả các thiết lập hẹn giờ của kinh bản được chọn ở bước 3

Clear Timer SC01
ENTER: Y EXIT: N

Nhấn “ENTER” để xóa, nhấn EXIT để quay lại màn hình trước.

Sau khi chọn “ENTER” để xóa, màn hình sẽ hiển thị báo đã hoàn tất việc xóa hẹn giờ cho kinh bản đã chọn

Clear Timer SC01
ENTER: Y EXIT: N

4. Màn hình thiết lập thời gian kích hoạt kinh bản.

Time
18:05
DayWeek
23456**

- Dùng phím “1” hoặc “4” để thay đổi giờ chạy kinh bản.
- Dùng phím “2” hoặc “5” để thay đổi phút chạy kinh bản.
- Dùng phím “3” và “6” để lựa chọn ngày muốn kích hoạt kinh bản. Tên của các ngày được viết tắt tương ứng (S: Sunday tương ứng với ngày Chủ Nhật, 2: tương ứng với Thứ 2...). Vị trí ngày đang được chọn sẽ nhấp nháy.
- Nhấn “ENTER” để thêm ngày được chọn, nhấn “CLEAR” để xóa ngày được chọn. Nhấn giữ “CLEAR” nếu muốn xóa tất cả các ngày.

5.Sau khi chỉnh xong ngày và giờ, nhấn “EXIT” để quay lại màn hình trước.

Tiếp tục chọn thêm mốc thời gian hẹn giờ cho kinh bản hiện tại hoặc chuyển qua chọn hẹn giờ kinh bản tiếp theo (nếu có).

***Lưu ý: Chỉ khi nhập đầy đủ thông tin về giờ phút và ít nhất chọn 1 ngày để kích hoạt kinh bản hẹn giờ thì lúc hẹn giờ kinh bản mới có hiệu lực.

VI/ GÁN PHÍM KỊCH BẢN TRÊN CÔNG TẮC:

1. Từ màn hình chính nhấn và giữ phím số “6”:

User Setting
Loading...

2. Hệ thống yêu cầu nhập password: Nhập password mặc định “012345”

Password???
012345

3. Màn hình chuyển vào chế độ gán phím cho kịch bản.

4. Dùng phím “MENU” để chọn thiết bị cần gán nút kịch bản.

Màn hình sẽ chỉ hiển thị những thiết bị có thể gán nút được và đã có ít nhất 1 thiết bị loại đó được học vô hệ thống

***Các thiết bị có thể gán nút kịch bản:

RE4 CH Link? SC
01: A 01

RE4: thiết bị công tắc 4 kênh, gán được 2 nút (A, B).

RE3: thiết bị công tắc 3 kênh, gán được 3 nút (A, B, C).

RE2: thiết bị công tắc 2 kênh, gán được 4 nút (A, B, C, D).

SB6: thiết bị điều khiển kịch bản 6 kênh, gán được 6 nút (A, B, C, D, E, F)

DI2: thiết bị điều khiển dimmer, gán được 2 nút (A, B).

REM: thiết bị remote, gán được tối đa 12 nút (A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, L).

ALE: thiết bị liên kết báo động, gán được 1 nút (A).

5. Dùng phím “3” hoặc “6” để lựa chọn kịch bản:

6. Dùng phím “1” và “4” để lựa chọn RE4 muốn gán kịch bản:

7. Dùng phím “2” hoặc “5” để chọn gán kênh kịch bản:

Dùng ENTER gán nút.

Sau khi gán nút, màn hình sẽ hiển thị mũi tên thông báo việc gán nút đã thành công.

RE4 CH Link? SC
01: A -> 01

8. Nhấn “EXIT” để thoát khỏi chế độ gán phím kịch hoạt kịch bản.

*** Ngoài cách thiết lập gán nút cho công tắc điều khiển kịch bản trên, MCE còn có thể thiết lập nhanh nút điều khiển kịch bản bằng cách điều khiển trực tiếp trên thiết bị cuối. Khi ấy MCE sẽ nhận dữ liệu tự động và lưu quá trình điều khiển thành nội dung kịch bản.

1. Vào chế độ thiết lập gán nút điều khiển kịch bản.
2. Chọn tên kịch bản muốn thiết lập bằng cách nhấn phím “3” hoặc “6”.
3. Nhấn giữ phím “MENU” cho đến khi chữ “No” trên màn hình LCD nhấp nháy. Lúc này MCE đã sẵn sàng nhận dữ liệu nút điều khiển làm thành nút điều khiển kịch bản. Nhấn giữ thêm lần nữa chữ “Status” sẽ ngưng nhấp nháy báo hiệu ngưng sử dụng chức năng thiết lập nút điều khiển kịch bản bằng cách điều khiển thiết bị.
4. Nhấn các nút điều khiển kịch bản. Khi ấy nút được nhấn sẽ tự động được chọn làm nút để kích hoạt kịch bản đang hiển thị trên LCD.
5. Sau khi hoàn tất việc gán nút, nhấn giữ “ENTER” để lưu các thiết lập.
6. Nhấn “EXIT” để thoát khỏi chế độ gán phím kịch hoạt kịch bản.

*** Để xóa tất cả các thiết lập nút kịch bản của tất cả các thiết bị, nhấn giữ nút “CLEAR”. Khi ấy sẽ hiện thị màn hình thông báo

Clear All Linker
ENTER: Y EXIT: N

Nhấn chọn “ENTER” để tiến hành xóa tất cả các thiết lập gán nút kịch bản, chọn “EXIT” để quay lại màn hình thiết lập.

VII/ HIỂN THỊ THÔNG TIN ĐỊA CHỈ CỦA THIẾT BỊ

1. Từ màn hình chính nhấn và giữ phím số “7”:

User Setting
Loading...

2. Hệ thống yêu cầu nhập password: Nhập password mặc định “012345”

Password???
012345

3. Màn hình chuyển vào chế độ coi thông tin địa chỉ của thiết bị.

Điều khiển trực tiếp thiết bị muốn xem thông tin.

Khi ấy MCE sẽ hiển thị địa chỉ của thiết bị vừa mới được điều khiển

4. Nhấn nút “EXIT” để thoát khỏi chế độ xem thông tin địa chỉ của thiết bị.

***Lưu ý: Chỉ những thiết bị đã được thiết lập vào hệ thống mới hiển thị được thông tin về địa chỉ của thiết bị.

Device SubName ??

VIII/ HẸN GIỜ BẬT TẮT KÊNH THIẾT BỊ

1. Từ màn hình chính nhấn và giữ phím số “8”:

User Setting
Loading...

2. Hệ thống yêu cầu nhập password: Nhập password mặc định “012345”

Password???
012345

3. Màn hình chuyển vào chế độ gán phím cho kịch bản.

RE4 0000s
01/CH1: ON
Point
Timer1

4. Nhấn nút “MENU” để chọn thiết bị cần hẹn giờ.

- Nhấn nút “1” hoặc “4” để chọn số thứ tự của thiết bị cần hẹn giờ.
 - Nhấn nút “2” hoặc “5” để chọn kênh của thiết bị cần hẹn giờ.
 - Nhấn nút “3” hoặc “6” để chọn thời điểm hẹn giờ. Hỗ trợ tối đa 4 thời điểm hẹn giờ trong ngày.
 - Nhấn nút “ON” hoặc “OFF” để chọn khi hẹn giờ cho kênh sẽ bật hoặc tắt kênh được chọn.
- Nếu chọn “ON” kênh của thiết bị được chọn sẽ được hẹn giờ chạy là bật và sẽ tự động tắt sau 1 khoảng thời gian sẽ được thiết lập ở mục dưới (đơn vị là giây). Nếu chọn “OFF” thì ngược lại.
- Nhấn nút “0” để chuyển sang thiết lập thời gian hoạt động hẹn giờ của kênh được chọn. Khi ấy hiển thị đơn vị thời gian “s” sẽ nhấp nháy để biết là đang tương tác với thiết lập này. Nhấn “ON” hoặc “OFF” để tăng hoặc giảm thời gian. Nhấn giữ phím “ON” hoặc “OFF” để tăng nhanh hoặc giảm nhanh thời gian.

5. Sau khi chọn xong nhấn “ENTER” để màn hình chuyển qua chọn thời gian và ngày trong tuần cho việc hẹn giờ kênh của thiết bị đã chọn:

Time
18:05
DayWeeK
23456**

- Dùng phím “1” hoặc “4” để thay đổi giờ chạy kịch bản.
 - Dùng phím “2” hoặc “5” để thay đổi phút chạy kịch bản.
 - Dùng phím “3” và “6” để lựa chọn ngày muốn kích hoạt kịch bản. Tên của các ngày được viết tắt tương ứng (S: Sunday tương ứng với ngày Chủ Nhật, 2: tương ứng với Thứ 2...). Vị trí ngày đang được chọn sẽ nhấp nháy.
- Nhấn “ENTER” để thêm ngày được chọn, nhấn “CLEAR” để xóa ngày được chọn. Nhấn giữ “CLEAR” nếu muốn xóa tất cả các ngày

6. Sau khi chỉnh xong ngày và giờ, nhấn “EXIT” để quay lại màn hình trước.

- Tiếp tục chọn thêm mốc thời gian hẹn giờ cho kênh của thiết bị hiện tại hoặc chuyển qua chọn hẹn giờ cho kênh tiếp theo (nếu có).

***Lưu ý: Chỉ khi nhập đầy đủ thông tin về giờ phút và ít nhất chọn 1 ngày để kích hoạt, đồng thời chọn thời gian kích hoạt lớn hơn 0s, trạng thái kích hoạt phải được chọn (ON hoặc OFF) thì hẹn giờ cho kênh của thiết bị mới có hiệu lực

* Nhấn giữ nút “CLEAR” sẽ hiển thị màn hình thông báo cho phép xóa tất cả các hẹn giờ cho tất cả các kênh của tất cả các thiết bị. Nhấn “ENTER” để xóa, nhấn “EXIT” để quay lại màn hình thiết lập.

IX/ TRUY CẬP MENU CÀI ĐẶT THIẾT BỊ:

Tại màn hình chờ, nhấn giữ phím “Menu” cho đến khi màn hình hiển thị dòng chữ “User Setting – Loading...”. Nhập mật khẩu khi màn hình hiển thị dòng chữ “Password???” và nhấn phím “Enter”

Màn hình hiện lên menu cài đặt máy

Setting Setup
1: Setup Time

Cấu trúc menu cài đặt thiết bị:

1. **Setup Time:** thiết lập giờ thủ công, hoặc cập nhật giờ từ Server (phải có kết nối Internet).
 2. **Change Pass:** (thiết lập mật khẩu cho MCE).
 3. **Information:** xem thông tin các sản phẩm và số lượng thiết bị đang giao tiếp với MCE.
 4. **Reset App Pass**
 5. **Reset Setting:** xóa bỏ từng nhóm thiết bị đã giao tiếp: RE4, RE2, RE3,... để học lại từ đầu.
 6. **Speaker ON/OFF:** tắt / mở tiếng “Bip” của MCE.
 7. **Factory Reset:** Reset MCE về trạng thái ban đầu.
 8. **Setup Device:** Cấu hình nâng cao cho các thiết bị
- Nhấn phím “ON” hoặc “OFF” để hiển thị đầy đủ menu. Nhấn “Enter” để chọn menu. Hoặc nhấn phím tắt tương ứng với thứ tự của menu để truy cập vào menu tương ứng.

1. Cài đặt giờ (Setup Time)

Chọn menu “Setup Time” sau đó nhấn “ENTER”.

Giao diện mode cài đặt giờ:

Setup Clock
UMon

- Dùng phím “1” và “4” để cài đặt thứ.
- Dùng phím “2” và “5” để cài đặt giờ.
- Dùng phím “3” và “6” để cài đặt phút.
- Nhấn giữ phím “ENTER” cho đến khi màn hình hiển thị dòng chữ “Save” để lưu lại thay đổi.
- Nếu MCE đang có kết nối với server (hiện chữ “S” ngoài màn hình chính), để cập nhật giờ ở thời điểm hiện tại của server, nhấn nút “0”. Lúc ấy màn hình sẽ hiển thị giờ vừa cập nhật được.
- Nhấn “MENU” để chọn tính năng tự động cập nhật giờ từ server hay không? Nếu chọn tính năng này, góc trên cùng bên phải của màn hình hiển thị chữ “U”. Nhấn thêm nút “MENU” lần nữa để tắt tính năng này.

2. Đặt lại mật khẩu (Change Pass)

Chọn menu “Change Pass” sau đó nhấn “Enter”

Input New Pass:
123456

Màn hình hiển thị dòng chữ “Input New Pass :”, nhập mật khẩu mới vào và nhấn “ENTER”.

3. Thông tin thiết bị (Information)

Chọn menu “Information” sau đó nhấn “Enter”

Information

Dùng phím “ON” và “OFF” để hiển thị các thông tin muốn xem.
Để trở về màn hình chính, nhấn “EXIT”.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

PHẦN MỀM IHOMΕ

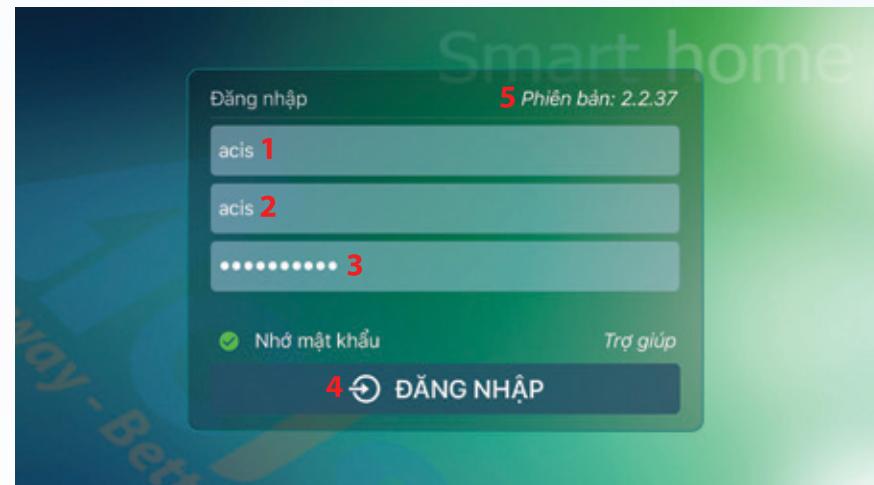
Tải phần mềm IHOME



I. ĐĂNG NHẬP

- (1): Tài khoản đăng nhập MASTER
- (2): Tài khoản đăng nhập USER
- (3): Mật khẩu đăng nhập
- (4): Đăng nhập phần mềm
- (5): Xem phiên bản phần mềm Ihome, thông tin nhà sản xuất.

Lưu ý:
(1),(2): mặc định là số ID phía sau
MCE/GATEWAY,(3): mặc định là 123456.
Tích vào “nhớ mật khẩu” để phần mềm
tự đăng nhập lần sau.



SAU KHI ĐĂNG NHẬP THÀNH CÔNG



Sau khi đăng nhập, giao diện chính phần mềm có MENU bao gồm:

“Nhà”: Giao diện chính để điều khiển

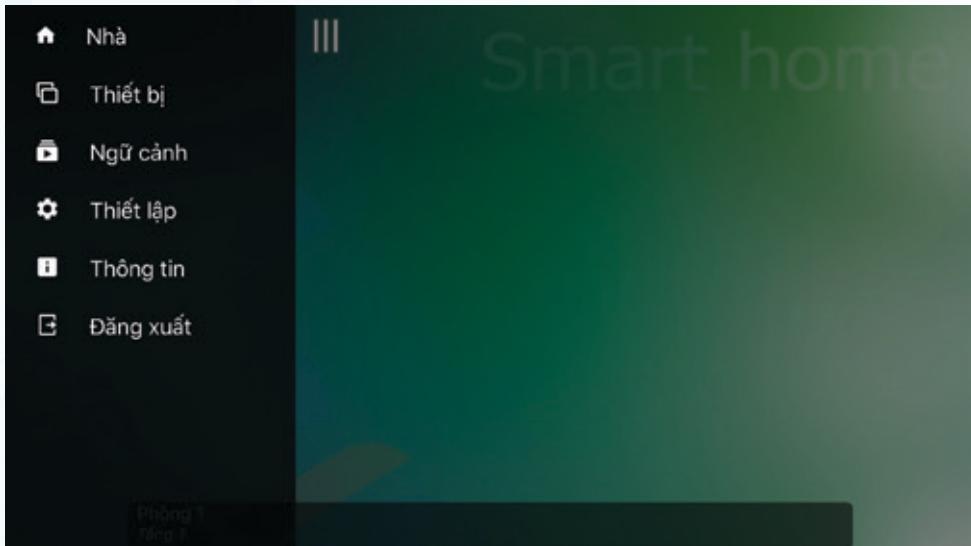
“Thiết bị”: Tất cả các thiết bị sẽ đã học vào MCE sẽ được đồng bộ và hiển thị tại đây

“Ngữ Cảnh”: Để tạo ngữ cảnh sử dụng, đồng bộ ngữ cảnh và gán phím ngữ cảnh.

“Thiết lập”: để lưu, tải thiết lập, thay đổi mật khẩu/tài khoản, tạo tài khoản user.

“Thông tin”: thông tin công ty, hướng dẫn sử dụng các sản phẩm

“Đăng xuất”: đăng xuất để đăng nhập tài khoản khác



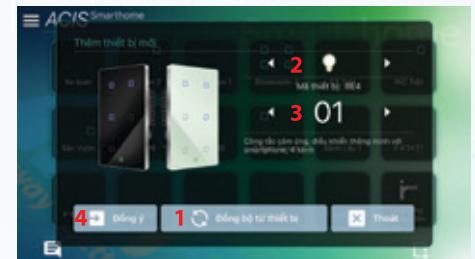
II. THIẾT BỊ

1. THÊM THIẾT BỊ



(1): Sẽ đồng bộ tất cả thiết bị đã học vào MCE lên app

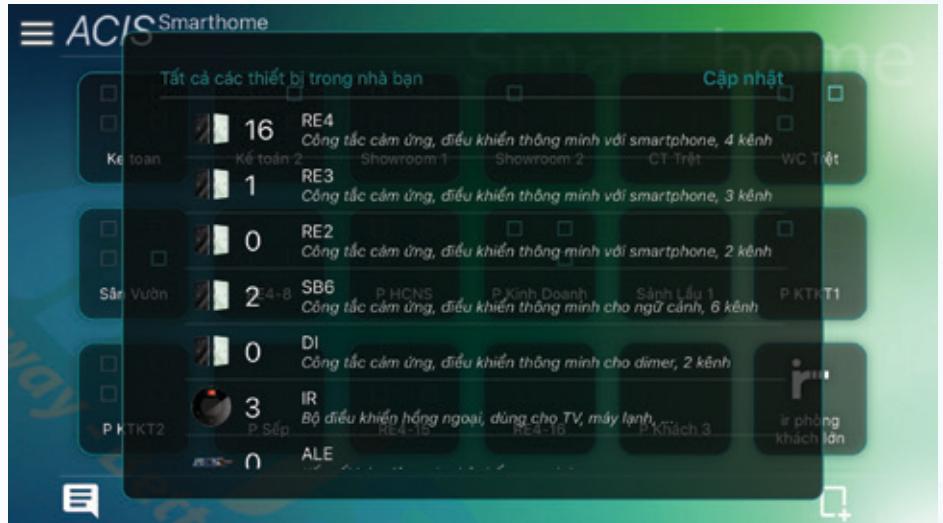
(3): Số thứ tự thiết bị



(2): Chọn thiết bị để thêm

(4): Đồng ý thêm thiết bị thủ công

CHỌN ĐỒNG BỘ TỪ THIẾT BỊ



Sẽ hiển thị số lượng thiết bị, sau đó chọn “cập nhật” để đồng bộ thiết bị lên phần mềm. Các thiết bị đã có sẽ không mất đi mà chỉ bổ sung những thiết bị được thêm mới

2. GIAO DIỆN ĐIỀU KHIỂN TỪNG THIẾT BỊ



3. THIẾT LẬP CHO TỪNG THIẾT BỊ:

THIẾT BỊ RE, RE OLED: Chạm và giữ thiết bị RE, RE-OLED trên phần mềm

≡ ACIS Smarthome



Menu thiết bị bao gồm:

“Đổi tên”: để đổi tên thiết bị RE, RE OLED

“Thiết lập nhắc nhở”: Chỉ được áp dụng trên RE OLED

“Nâng cao”: Tính năng sẽ mở sau

“Xóa thiết bị”: xóa thiết bị dư hoặc không dùng

≡ ACIS Smarthome



Chạm giữ vào từng kênh thiết bị: có MENU

“Đổi tên”: Đổi tên kênh đèn đang sử dụng

“Khóa kênh”: Khóa kênh

“Trạng thái khởi động”: tương tự nhớ trạng thái trên MCE

“Hẹn giờ”: hẹn giờ kênh đèn

“Nâng cao”: Tính năng chưa mở



*Chọn “Thiết lập nhắc nhở”: Chỉ sử dụng trên thiết bị RE OLED, *chọn “Thêm” để thiết lập nội dung nhắc nhở.(Hình 1,2)

*Chọn “Tiếp theo” để chọn số lần nhắc nhở cho thiết bị.(Hình 3)

*Chọn “Tiếp theo” để hẹn giờ và ngày thiết lập nhắc nhở.(Hình 4)

*Chọn “Tiếp theo” để xem lại nội dung nhắc nhở, chọn kiểu nhắc nhở là mãi mãi hoặc 1 lần.

Sau đó chọn “Cập nhật” để lưu các thiết lập.*Hình 5)

THIẾT LẬP THIẾT BỊ DC:



Chạm giữ vào thiết bị DC: có
MENU (hình 1)
“Đổi tên”: Đổi tên DC sử
dụng

“Đổi loại thiết bị”: Đổi loại giữa
cửa cuốn, cổng và rèm (mặc
định Icon điều khiển rèm), đổi
với cửa cuốn hoặc cổng thì
bắt buộc phải đặt mật khẩu
cho thiết bị (hình 2).

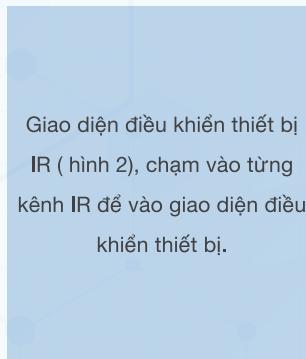


Giao diện điều khiển thiết bị
DC (hình 3)

THIẾT LẬP THIẾT BỊ IR:



Chạm giữ vào thiết bị IR: có MENU (hình 1)
“Đổi tên”: Đổi tên IR
“Nâng cao”
“Xóa thiết bị”



Chạm và giữ vào từng kênh IR, có MENU: (hình 3)
“Đổi loại thiết bị”: đổi loại và đặt tên thiết bị như máy lạnh, tivi, máy quạt,...
“Học lệnh IR”: Học thiết bị remote vào thiết bị IR.

HỌC LỆNH IR



Giao diện “học lệnh IR” cũng giống như giao diện điều khiển thiết bị IR, muốn học phím nào trên remote của tivi hoặc máy lạnh vào IR thì chọn phím trên phần mềm trước (phím sẽ nhấp nháy khi chọn) sau đó bấm phím tương ứng trên remote để học lệnh.



Sẽ có thời gian 30 giây để học lệnh IR hiển thị phía trên giao diện điều khiển.
Lưu ý: khi học lệnh IR thì cần chuẩn bị remote và thiết bị IR để học lệnh, không cần vào chế độ học thủ công trên remote khi chọn phím thì thiết bị IR tự động chuyển vào chế độ học lệnh IR.

III. NGỮ CẢNH:



Chọn vào thêm ngữ cảnh (hình 1)

Đặt tên ngữ cảnh (hình 2)

Sau khi đặt tên sẽ có Menu, bao gồm:

“Đổi tên”: đổi tên ngữ cảnh

“Thiết lập nội dung”: thiết lập nội dung ngữ cảnh

“Hẹn giờ”: hẹn giờ cho ngữ cảnh

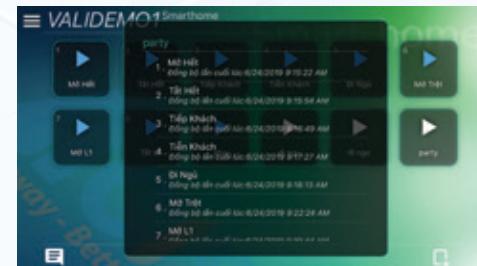
“Đồng bộ thiết bị”: Đồng bộ ngữ cảnh xuống thiết bị trung tâm

“Xóa ngữ cảnh”

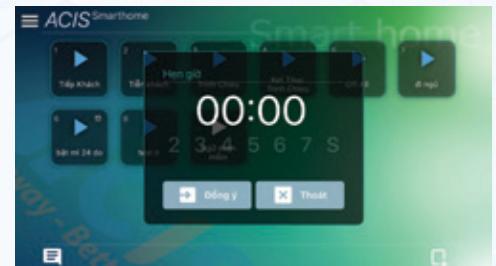
Chọn “Thiết lập nội dung”: (hình 3) sẽ có giao diện để thiết lập nội dung (hình 4), đánh dấu chọn vào phím tròn sau đó chọn nội dung tắt/mở cho thiết bị.

Sau khi thiết lập xong nội dung cho “Cập nhật”.

Sau đó chọn “Đồng bộ thiết bị”: để đồng bộ ngữ cảnh xuống thiết bị trung tâm, ngữ cảnh đồng bộ thành công sẽ chuyển màu xanh, và sẽ là ngữ cảnh phần cứng. Ngữ cảnh màu trắng là ngữ cảnh mềm.



Hình 1: chọn “đồng bộ thiết bị” để đồng bộ nội dung ngữ cảnh xuống trung tâm



Hình 2: Chọn “Hẹn giờ” thiết lập giờ, phút/ ngày, tháng, năm cho ngữ cảnh

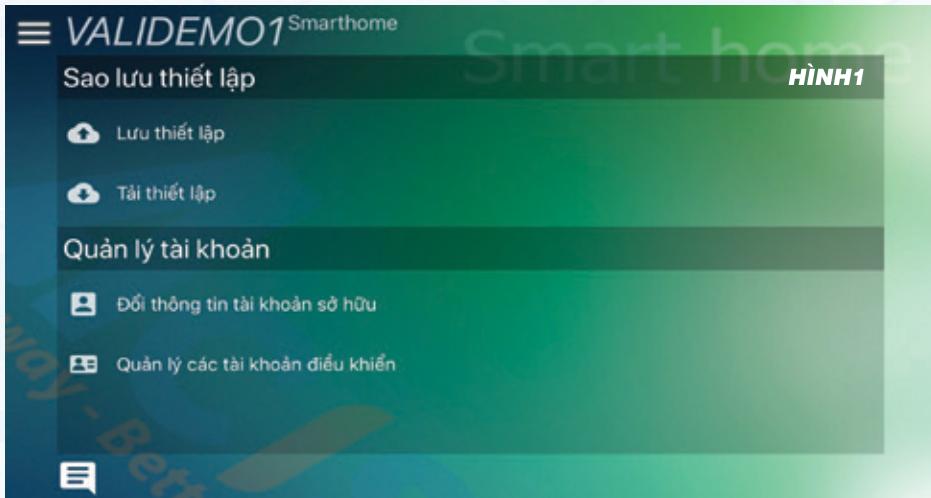


Hình 3: Sau khi đồng bộ ngữ cảnh, sẽ có đồng bộ liên kết để gán nút ngữ cảnh lên công tắc



Hình 4: Chọn phím tương ứng trên công tắc để gán ngữ cảnh.

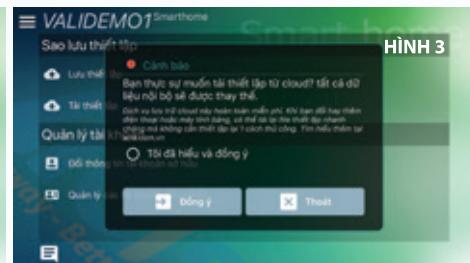
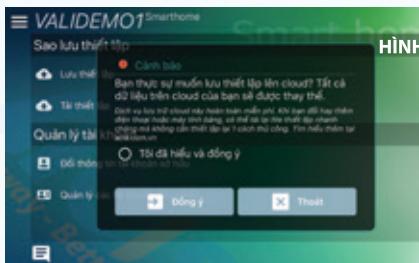
IV. THIẾT LẬP:



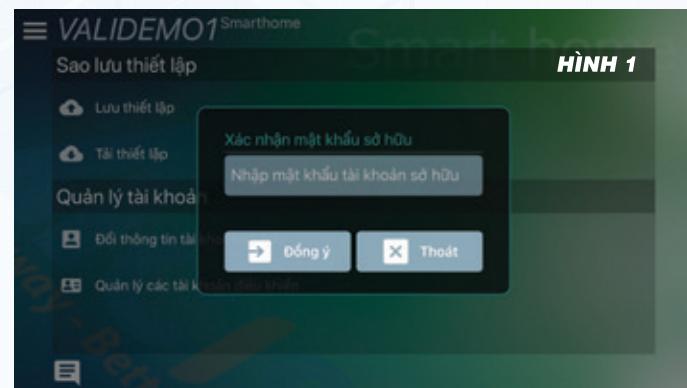
Chọn “Thiết lập”: có MENU như hình 1

Chọn “Lưu thiết lập”: để lưu những thiết lập lên cloud (hình 2)

Chọn “Tài thiết lập”: để tải thiết lập đã được lưu trên cloud xuống điện thoại (hình 3)



ĐỔI THÔNG TIN TÀI KHOẢN SỞ HỮU:



Hình 1: Nhập mật khẩu tài khoản sỡ hữu thiết bị, để thay đổi thiết lập mật khẩu, tên tài khoản sỡ hữu



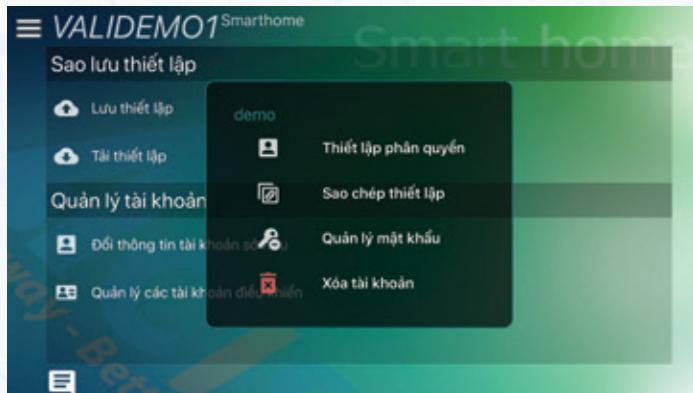
Hình 2: Thay đổi tên, mật khẩu, xác nhận lại mật khẩu

Quản lý các tài khoản điều khiển:



Chọn “Quản lý các tài khoản điều khiển”: đặt tên, mật khẩu cho tài khoản điều khiển user (hình 1).

VI. GIAO DIỆN NHÀ



Sau khi đã thiết lập tài khoản user, Menu sẽ bao gồm:(hình 2)



Thiết lập phân quyền": thiết lập quyền điều khiển cho tài khoản user (hình 3)
 "Sao chép thiết lập": Sao chép thiết lập từ tài khoản chính sang tài khoản user.

"Quản lý mật khẩu": Thay đổi mật khẩu của tài khoản User
 "Xóa tài khoản"

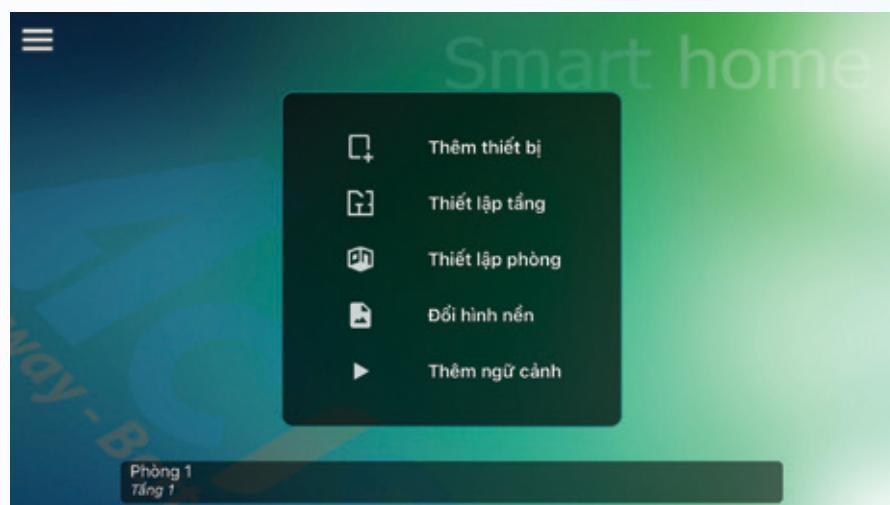
V. THÔNG TIN:



Thông tin nhà sản xuất, các hướng dẫn sử dụng



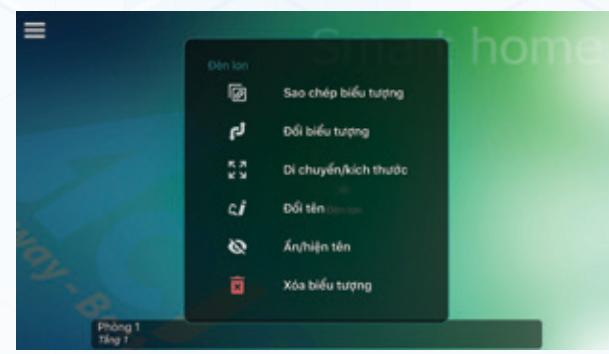
Chọn "Nhà"(hình 1)



Chạm giữ vào màn hình có MENU (hình 2)
 "Thêm thiết bị": thêm thiết bị tương ứng vào
 "Thiết lập tầng": Đổi tên tầng, tạo tầng mới, xóa tầng
 "Thiết lập phòng": Đổi tên phòng, tạo phòng mới, xóa phòng.



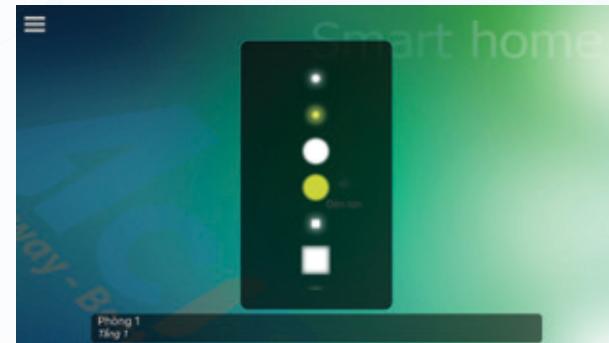
“Đổi hình nền”: Đổi hình nền từ máy ảnh, thư viện (hình 3).
“Thêm ngữ cảnh”: thêm ngữ cảnh vào màn hình chính để dễ dàng sử dụng ngữ cảnh



Chạm giữ vào thiết bị sẽ có menu (hình 1):
“Sao chép biểu tượng”: sao chép thêm biểu tượng cho 1 line thiết bị



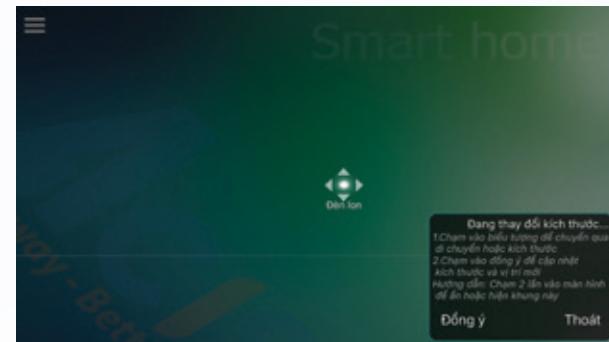
Hình 1: Chọn ngữ cảnh thêm vào màn hình chính



“Đổi biểu tượng”(hình 2): đổi các biểu tượng như đèn hắc, đèn gương...



Hình 2: Chọn thiết bị tương ứng để thêm vào



“Di chuyển/Kích thước”(hình 3): di chuyển thiết bị, thay đổi kích thước thiết bị (chạm vào thiết bị có 4 mũi tên như hình) cho phù hợp, sau đó chọn Đồng ý.
“Đổi tên”: đổi tên thiết bị cho dễ nhớ
“Ẩn/hiện tên”: Ẩn hoặc hiện tên thiết bị
“Xóa thiết bị”



NHÀ THÔNG MINH ACIS



WWW.ACIS.COM.VN



08.62811225